

# Van góc

## VZXF-L-M22C-M-A-N112-350-M1-V4V4T-50-7

Số bộ phận: 1002557

FESTO



### Bảng dữ liệu

| Đặc tính                       | Giá trị                                               |
|--------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Cấu trúc xây dựng              | Van poppet với truyền động pít tông                   |
| Kiểu vận hành                  | khí nén                                               |
| Nguyên lý bít                  | mềm                                                   |
| Vị trí lắp đặt                 | bất kỳ                                                |
| Kiểu gắn                       | Lắp đặt đường dây                                     |
| Kết nối cáp                    | Đầu nối ren 1 1/2 NPT theo ANSI/ASME B 1.20.1         |
| Chiều rộng định mức            | 35 mm                                                 |
| Chức năng van                  | 2/2 đóng đơn ổn định                                  |
| Hướng dòng chảy                | không thể đảo ngược                                   |
| Áp suất trung bình             | 0 MPA...0.7 MPA<br>0 bar...7 bar                      |
| Áp suất danh nghĩa phần ứng PN | 40                                                    |
| Chức năng khí xả               | không thể điều tiết                                   |
| Kiểu cài đặt lại               | lò xo cơ học                                          |
| Kiểu điều khiển                | kiểm soát bên ngoài                                   |
| Cổng nối khí nén               | Ren trong G1/8                                        |
| Áp suất vận hành               | 0.6 MPA...1 MPA<br>6 bar...10 bar<br>87 psi...145 psi |
| Môi chất                       | Hơi nước<br>Khí trơ<br>lọc khí nén, cụm bộ lọc 200 µm |
| Hướng lưu lượng                | Phía trên để van, dành cho môi trường khí             |
| Môi chất vận hành              | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                  |
| Độ nhớt tối đa                 | 600 mm²/s                                             |
| Nhiệt độ trung bình            | -40 °C...200 °C                                       |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh | -10 °C...60 °C                                        |
| Lưu lượng Kv                   | 25 m³/h                                               |
| Ghi chú vật liệu               | Tuân thủ RoHS                                         |
| Tuân thủ LABS                  | VDMA24364 Vùng III                                    |
| Vật liệu vỏ van                | Khuôn đúc bằng thép không gỉ                          |
| Số vật liệu vỏ van             | 1.4408                                                |
| Vật liệu phốt trực             | PTFE                                                  |

| Đặc tính                              | Giá trị                                              |
|---------------------------------------|------------------------------------------------------|
| Vật liệu đệm kín ghế                  | PTFE                                                 |
| trọng lượng sản phẩm                  | 2500 g                                               |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)   | theo Chỉ thị thiết bị áp suất của EU                 |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp) | theo Quy định về thiết bị áp suất của Vương quốc Anh |
| Lớp chống ăn mòn KBK                  | 3 - ứng suất ăn mòn mạnh                             |
| Vật liệu của vỏ bộ truyền động        | thép không gỉ hợp kim cao                            |